

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ PHONG TRÀO PHỤ NỮ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM NHIỆM KỲ 2007 - 2012,
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2012 - 2017

Năm năm qua, các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và phụ nữ cả nước thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ X trong bối cảnh có nhiều thuận lợi. Tiếp tục đường lối đổi mới, đất nước ta đạt nhiều thành tựu to lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại; hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; hệ thống luật pháp, chính sách về bình đẳng giới dần được hoàn thiện; nhận thức xã hội về bình đẳng giới có chuyển biến tích cực.

Bên cạnh đó, nhiều khó khăn, thách thức đã tác động sâu sắc đến đời sống của các tầng lớp phụ nữ. Khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế thế giới, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... diễn ra phức tạp, khó lường. Trong nước, kinh tế phát triển chưa bền vững, phân hóa giàu nghèo tăng; nạn tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống, bạo lực gia đình... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi; phân biệt đối xử với phụ nữ còn tồn tại dưới nhiều hình thức.

Trong điều kiện đó, các tầng lớp phụ nữ và các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ X (nhiệm kỳ 2007 - 2012), thiết thực góp phần vào thành tựu phát triển kinh tế xã hội của đất nước, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, đặc biệt trong việc thực hiện Nghị quyết 11/NQ-TW của Bộ Chính trị (khóa X) về Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khóa X kính trình Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc nhiệm kỳ 2007 - 2012 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2012 - 2017.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ PHONG TRÀO PHỤ NỮ VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM NHIỆM KỲ 2007 - 2012

I. ĐÁNH GIÁ PHONG TRÀO PHỤ NỮ

Phát huy truyền thống vẻ vang của phụ nữ Việt Nam, với gần 51% dân số và trên 48% lực lượng lao động xã hội, 5 năm qua, cùng với toàn Đảng, toàn dân, các tầng lớp phụ nữ cả nước đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, năng động sáng tạo, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển chung của đất nước. Phong trào thi đua “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*” ngày càng được các tầng lớp phụ nữ hưởng ứng rộng rãi, được gắn kết với cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, cụ thể hóa vào phong trào thi đua của ngành, địa phương, tạo sự chuyển biến về chất trong phong trào phụ nữ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Chiếm 51,37% lao động khu vực nông thôn¹, phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Mặc dù chịu ảnh hưởng thường xuyên của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhưng chị em đã vượt qua khó khăn, thi đua sản xuất, mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mở rộng ngành nghề, góp phần quan trọng vào phát triển nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, giữ vững vị trí là nước có kim ngạch xuất khẩu nông sản cao, đặc biệt xuất khẩu gạo đứng thứ 2 trên thế giới, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định đất nước.

Lao động nữ tiếp tục chiếm tỷ lệ cao trong các ngành công nghiệp chế biến, dệt may, giày da, thương mại, dịch vụ và tham gia ngày càng nhiều vào các ngành kinh tế đòi hỏi yêu cầu chuyên môn, kỹ thuật, công nghệ cao. Chị em đã tích cực hưởng ứng phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, không quản ngại làm thêm ca, thêm giờ, góp sức tạo ra nhiều sản phẩm ngày càng đa dạng, chất lượng cao, tạo niềm tin cho người tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, tăng kim ngạch xuất khẩu, nâng cao tiềm lực kinh tế của đất nước.

Trong điều kiện nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu, chị em nữ doanh nhân đã năng động, sáng tạo, vượt qua thách thức để doanh nghiệp đứng vững và phát triển. Các doanh nghiệp (chiếm 25%) và hộ gia đình sản xuất kinh doanh (trên 3 triệu hộ²) do phụ nữ làm chủ đã tạo thêm việc làm cho hàng vạn lao động, tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, nhân đạo.

Thành tựu giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ 5 năm qua có sự đóng góp đáng kể của phụ nữ. Chiếm số đông trong đội ngũ cán bộ giáo viên toàn ngành, đặc biệt trong các cấp học phổ thông, phụ nữ ngành giáo dục - đào tạo thi đua “*Dạy tốt, học tốt*”, “*Giỏi việc trường, đảm việc nhà*”, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Các cô giáo công tác nơi vùng sâu, vùng xa dù điều kiện muôn vàn khó khăn vẫn kiên trì bám lớp, bám trường với tinh thần tất cả vì học sinh thân yêu. Phụ nữ và trẻ em gái ngày càng bình đẳng hơn về cơ hội được tiếp cận giáo dục, đào tạo. Tỷ lệ phụ nữ biết chữ đạt gần 92%; tình trạng trẻ em gái bỏ học sớm đã giảm; nữ sinh viên chiếm trên 50% trong các trường đại học và cao đẳng; nữ thủ khoa chiếm 61,6% các kỳ tuyển sinh và tốt nghiệp đại học³. Đội ngũ nữ trí thức tiếp tục tăng cả về số lượng, chất lượng và được trẻ hóa, chiếm 39,7% số người có trình độ thạc sỹ, 21,4% số người có học vị tiến sỹ, 10,27% số giáo sư và 25,78% phó giáo sư được phong tặng trong 5 năm. Phụ nữ tham gia ngày càng chủ động, tích cực vào các hoạt động khoa học - công nghệ, say mê nghiên cứu, có nhiều công trình nghiên cứu làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, ứng dụng vào sản xuất và hoạt động thực tiễn đem lại lợi ích kinh tế - xã hội trên nhiều lĩnh vực.

Cùng với những tiến bộ của y học nước nhà, sức khỏe phụ nữ tiếp tục được cải thiện, tuổi thọ trung bình đạt 75,6 tuổi (tăng 3,6 tuổi so với 2007). Chính sách mới về y tế đã tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận tốt hơn các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đặc

¹ Nguồn: Điều tra lao động và việc làm Việt Nam năm 2010, Tổng cục thống kê.

² Nguồn: Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam năm 2011.

³ Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2011

biệt khi mang thai. Chiếm trên 61%⁴ lực lượng lao động toàn ngành, phụ nữ ngành y tế với phong trào người thầy thuốc giỏi phải như mẹ hiền đã nỗ lực phấn đấu, rèn luyện y đức, hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và học tập nâng cao trình độ, đóng góp lớn cho sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, phụ nữ và trẻ em nói riêng.

Văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch ngày càng phát triển, tạo điều kiện cho phụ nữ nâng cao đời sống tinh thần. Chị em đóng góp rất quan trọng vào việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, quảng bá hình ảnh Việt Nam với bạn bè quốc tế, thu hút đông đảo khách du lịch đến với Việt Nam. Phụ nữ tham gia ngày càng nhiều trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, văn học, nghệ thuật; tham gia hầu hết các bộ môn thi đấu thể thao thành tích cao và đạt nhiều huy chương ở các đấu trường trong nước, khu vực và quốc tế. Định kiến giới về vai trò truyền thống của phụ nữ và nam giới có sự thay đổi, hình ảnh người phụ nữ tự tin vươn lên, khẳng định mình trong các lĩnh vực xuất hiện ngày càng nhiều trong xã hội.

Trong gia đình, vị trí, vai trò và đóng góp của phụ nữ được nâng lên. Là người mẹ, người vợ, giữ vai trò chủ chốt trong xây dựng gia đình hạnh phúc, chị em đã tích cực lao động tạo thu nhập, tổ chức tốt cuộc sống gia đình, nuôi dạy con trưởng thành; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống gia đình Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế. Hàng triệu bà mẹ trong điều kiện gia đình còn nhiều khó khăn nhưng với tình yêu thương và trách nhiệm, đã tần tảo, hi sinh chăm lo cho con được học hành, giáo dục con nên người. Nhiều chị em đã trở thành điểm tựa tinh thần cho chồng con trong những lúc gặp hoàn cảnh éo le. Chúng ta trân trọng, tự hào về sự cống hiến, hi sinh thầm lặng của những người vợ, người mẹ đảm đang, thủy chung, nhân hậu.

Trong lĩnh vực chính trị, phụ nữ ngày càng tích cực, chủ động thực hiện quyền công dân, tham gia các hình thức dân chủ trực tiếp ở cộng đồng. Đội ngũ cán bộ nữ trên một số lĩnh vực phát triển về số lượng, chất lượng. Nữ cấp ủy cấp xã, cấp huyện và nữ đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp đều tăng; nữ đại biểu Quốc hội khóa XIII đạt 24,4%; nữ công chức trong cơ quan hành chính nhà nước từ cấp huyện đến trung ương chiếm 31%. Cán bộ nữ tham gia cấp ủy Đảng, cơ quan dân cử, cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã đóng góp tích cực vào việc lãnh đạo, quản lý đất nước, ngành, địa phương. Nữ cán bộ, công chức, viên chức phấn đấu giỏi việc nước, đảm việc nhà, tích cực nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, trau dồi bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Phụ nữ đã tham gia tích cực trong các hoạt động đấu tranh chống âm mưu diễn biến hòa bình, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ chủ quyền an ninh, biên giới tại các địa bàn xung yếu và đóng góp tích cực vào hoạt động đối ngoại nhân dân. Với tinh thần thi đua quyết thắng, vì an ninh tổ quốc, phụ nữ trong lực lượng vũ trang tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, mưu trí, dũng cảm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chị em hoạt động trong ngành ngoại giao đã tích cực, chủ động, đóng góp hiệu quả trong lĩnh vực đối ngoại và hợp tác quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Những kết quả đáng tự hào trên cho thấy, phong trào thi đua “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*” gắn với cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” và các phong trào, cuộc vận động do các

⁴ Nguồn: Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, Tổng cục thống kê.

cấp, các ngành phát động đã tạo nên khí thế thi đua sôi nổi trong các tầng lớp phụ nữ cả nước. Với nội dung thiết thực, toàn diện, các phong trào thi đua đã thu hút đông đảo phụ nữ hưởng ứng và trở thành động lực thúc đẩy chị em hăng hái tham gia thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong số gần 13 triệu phụ nữ đăng ký thực hiện phong trào thi đua của cả nhiệm kỳ, đã có trên 11 triệu phụ nữ đạt 3 tiêu chuẩn, 2.419 phụ nữ được công nhận danh hiệu “*Phụ nữ xuất sắc 5 năm tiêu biểu toàn quốc*”.

Bên cạnh những nỗ lực, đóng góp to lớn trên, phong trào phụ nữ còn đứng trước không ít *khó khăn, thách thức*:

Phụ nữ có ít cơ hội tham gia học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp; lực lượng lao động nữ tuy đông về số lượng nhưng tỷ lệ qua đào tạo thấp nên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Số lao động nữ có bằng cấp chuyên môn chỉ đạt 11,1%⁵, đặc biệt là lao động nữ nông thôn, độ tuổi trung niên, phụ nữ dân tộc thiểu số; tỷ lệ lao động nữ làm các công việc giản đơn chiếm tới 42,9% (so với 36,2% lao động nam⁶).

Khoảng cách thu nhập và mức sống giữa các nhóm phụ nữ, các vùng miền còn lớn. Đời sống của một bộ phận phụ nữ, đặc biệt nữ công nhân lao động tại khu công nghiệp, khu chế xuất, nữ lao động di cư tự do... thực sự khó khăn, việc làm không ổn định, thu nhập thấp, điều kiện sinh hoạt tối thiểu không đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần nghèo nàn. Nữ nông dân thiếu việc làm, khó chuyển đổi nghề khi đất canh tác phải chuyển đổi mục đích sử dụng, chị em ít có điều kiện nghỉ ngơi, chăm sóc bản thân, kể cả khi sinh con. Phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng sâu và các nhóm phụ nữ yếu thế (nghèo, khuyết tật, đơn thân...) đời sống còn nhiều khó khăn, ít cơ hội tiếp cận thông tin, giáo dục đào tạo và hệ thống an sinh xã hội. Bên cạnh đó, dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường, ô nhiễm thực phẩm... ngày càng tăng, ảnh hưởng đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống, trong khi các điều kiện chăm sóc sức khỏe chưa đảm bảo. Đã xuất hiện tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; tình trạng nạo phá thai, đặc biệt ở tuổi vị thành niên ở mức báo động; tỷ lệ phụ nữ nhiễm HIV có xu hướng tăng (từ 19,65% năm 2006 lên 31% năm 2011)⁷. Thiếu các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để phụ nữ có thể vừa làm tốt công việc xã hội vừa thực hiện việc chăm lo gia đình. Dịch vụ gia đình, phúc lợi xã hội hỗ trợ gia đình và phụ nữ chưa được quan tâm đúng mức; tình trạng thiếu nhà trẻ, mẫu giáo còn phổ biến ở hầu hết các địa phương và các khu công nghiệp (tỷ lệ trẻ dưới 36 tháng đến trường chỉ đạt 18%⁸) là khó khăn, thách thức lớn đối với các gia đình, đặc biệt là người mẹ.

Tư tưởng trọng nam hơn nữ còn tồn tại trong xã hội. Giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống mai một. Tình trạng các sản phẩm văn hóa độc hại không được kiểm soát chặt chẽ, bạo lực gia đình, buôn bán, xâm hại nhân phẩm, sức khỏe, tình dục phụ nữ - trẻ em, vẫn đang là vấn đề nổi cộm. Một bộ phận phụ nữ có xu hướng chạy theo lối sống coi trọng vật chất, đua đòi, hưởng thụ. Tình trạng phụ nữ phạm tội, mắc tệ nạn xã hội, bạo lực học đường có chiều hướng tăng. Khiếu kiện đông người trái pháp luật có sự tham gia của phụ nữ còn xảy ra ở một số địa phương.

⁵ Nguồn: Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Tổng cục Thống kê

⁶ Nguồn: Khảo sát lực lượng lao động 2009, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

⁷ Nguồn: Bộ Y tế, năm 2011

⁸ Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2011

Công tác cán bộ nữ còn nhiều khó khăn, bất cập. Một số chỉ tiêu về tỷ lệ nữ lãnh đạo nhiều nhiệm kỳ không đạt và có xu hướng giảm như chỉ tiêu nữ tham gia Quốc hội, nữ ủy viên Ban Chấp hành TW Đảng khóa XI chỉ đạt gần 9%, nữ ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2010-2015 đạt 11,3%. Cán bộ nữ ở vị trí ra quyết định và hoạch định chính sách chiếm tỷ lệ thấp (Chủ tịch UBND và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 đạt 3 - 4%).

Những khó khăn, thách thức nêu trên ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của phong trào phụ nữ và thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM NHIỆM KỲ 2007 - 2012

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần nâng cao kiến thức, năng lực, trình độ mọi mặt của phụ nữ.

Công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các chủ trương, chính sách liên quan trực tiếp đến phụ nữ như Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Luật Bình đẳng giới được các cấp Hội quan tâm chỉ đạo. Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” được thực hiện gắn với phong trào thi đua nên đã đạt kết quả thiết thực, cụ thể, nổi bật nhất là thực hành tiết kiệm và các hoạt động chăm lo cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn. Mô hình phổ biến pháp luật được xây dựng và nhân rộng ở nhiều tỉnh thành; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật của Hội được củng cố; trung tâm tư vấn pháp luật được thành lập ở một số địa phương. Việc thực hiện tiểu đề án “*Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho phụ nữ nông thôn và phụ nữ dân tộc thiểu số giai đoạn 2008 - 2012*” đã góp phần nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của phụ nữ.

Công tác giáo dục truyền thống, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, giáo dục phẩm chất đạo đức, xây dựng người phụ nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng được các cấp Hội coi trọng, được chỉ đạo thường xuyên hơn, gắn kết với các phong trào thi đua, các cuộc vận động của Đảng, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và của Hội. Đề án “*Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2010 - 2015*” đã tạo tiền đề quan trọng động viên phụ nữ rèn luyện, phấn đấu giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam.

Các hình thức tuyên truyền ngày càng đa dạng: truyền thông trực tiếp, tổ chức hội thi, chiến dịch truyền thông, phim tài liệu, phóng sự, chuyên trang, chuyên mục, phát hành các ấn phẩm, tổ chức triển lãm, trưng bày sản phẩm... Phong trào đọc sách và học tập qua sách báo được các cấp Hội tích cực triển khai trong cán bộ, hội viên, phụ nữ. Nhiều cơ sở Hội đã xây dựng và duy trì Tủ sách phụ nữ, Thư viện phụ nữ xã, phòng đọc sách phụ nữ... nhằm đáp ứng trước hết nhu cầu của cán bộ Hội cơ sở trong triển khai công tác Hội, góp phần nâng cao hiểu biết của phụ nữ. Đến cuối năm 2011 đã có 9.990 (74,45%) cơ sở Hội có tủ sách của phụ nữ. Đề án Cấp báo Phụ nữ Việt Nam cho Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, chi Hội phụ nữ thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã vùng II đã tạo cơ hội tiếp cận thông tin cho 1.848 Hội Liên hiệp phụ nữ xã, 19.503 chi Hội phụ nữ thôn bản thuộc diện đặc biệt khó khăn.

Các cơ quan truyền thông giáo dục của Hội (Báo Phụ nữ Việt Nam, Phụ nữ Thủ đô, Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh; Nhà xuất bản Phụ nữ, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Trang thông tin điện tử ...) từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng tuyên truyền và thực hiện ngày càng tốt hơn chức năng cơ quan ngôn luận của Hội. Nhiều tỉnh/thành Hội đã xuất bản Thông tin phụ nữ, chủ động phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng hình thành chuyên trang, chuyên mục về phụ nữ và bình đẳng giới. Trung ương Hội và các tỉnh/thành Hội đã chú trọng biên soạn, phát hành tài liệu tuyên truyền; nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, nhất là ở cơ sở.

Phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục - đào tạo và Bộ đội Biên phòng, các cấp Hội đã đẩy mạnh hoạt động xóa mù chữ cho phụ nữ, cán bộ Hội cơ sở vùng cao, vùng sâu. Nhiều mô hình xóa mù chữ có hiệu quả đã được xây dựng như phong trào học chữ từ người thân, gia đình và cộng đồng; gắn học xóa mù chữ với học tập cách làm ăn, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi dạy con... Với sự nỗ lực, đóng góp của các cấp Hội, đến cuối nhiệm kỳ, đã có trên 54 ngàn phụ nữ trong độ tuổi được xóa mù chữ.

Việc sâu sát cơ sở, nắm bắt tình hình tư tưởng, đời sống, nhu cầu, nguyện vọng của các tầng lớp phụ nữ ngày càng được coi trọng và tiến hành thường xuyên hơn, quan tâm những nơi có diễn biến phức tạp, vùng bị thiên tai, bão lũ... Nhiều địa phương, các cấp Hội đã chủ động phản ánh với cấp ủy, chính quyền những vấn đề bức xúc, nhu cầu, nguyện vọng của phụ nữ, của nhân dân; tuyên truyền hướng dẫn phụ nữ thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, giữ vững an ninh quốc phòng.

2. Công tác tham gia xây dựng, giám sát luật pháp, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ có chuyển biến tích cực.

Trung ương Hội đã tích cực tham gia đánh giá, đề xuất sửa đổi một số nội dung Hiến pháp 1992, phối hợp với các bộ, ban, ngành đề xuất, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới. Một số ý kiến đề xuất của Hội liên quan đến phụ nữ, cán bộ nữ đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, cụ thể hóa thành chủ trương, chính sách.

Là nhiệm kỳ đầu tiên thực hiện phản biện xã hội, Hội đã tập trung tập huấn, hướng dẫn những vấn đề chung về phản biện xã hội; biên soạn tài liệu và thực hiện phản biện đối với một số dự thảo Luật (Luật Người khuyết tật, Bộ Luật lao động sửa đổi, Luật Nuôi con nuôi, Luật An toàn thực phẩm, Luật Thi hành án hình sự, Luật Phòng chống mua bán người, Luật Người cao tuổi...).

Các cấp Hội đã chủ động lựa chọn ưu tiên và tổ chức giám sát việc thực hiện một số chủ trương của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và chính sách an sinh xã hội (Nghị quyết 11-NQ/TW⁹, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Nghị định 19/2003/NĐ-CP¹⁰, chính sách giảm nghèo, dạy nghề cho lao động nông thôn...); tham gia có trách nhiệm vào một số hoạt động kiểm tra, giám sát do cơ quan Nhà nước thực hiện theo chuyên đề. Qua giám sát đã phát hiện những bất cập trong triển khai, thực hiện chính sách, phản ánh kịp thời đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Kết

⁹ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

¹⁰ Nghị định 19/2003/NĐ-CP về việc quy định trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý Nhà nước.

quả giám sát cũng là cơ sở tham gia xây dựng, phản biện xã hội, đề xuất các giải pháp chính sách, pháp luật trong từng lĩnh vực liên quan.

Hoạt động hòa giải, tư vấn pháp luật, giải quyết đơn thư của phụ nữ được chú trọng. Hội đã kiên trì kiến nghị và tham gia các hoạt động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho phụ nữ; tích cực phối hợp với ngành Tư pháp tổ chức tư vấn lưu động giúp cho nhiều hội viên, phụ nữ tiếp cận với hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý. Trong các tổ hòa giải ở cơ sở, cán bộ Hội tham gia có hiệu quả, trách nhiệm cao, góp phần hòa giải thành công nhiều vụ việc. Ở những nơi xảy ra khiếu kiện đông người, có tính chất phức tạp, Hội đã tích cực tham gia giải quyết cùng các cơ quan chức năng.

Bám sát Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong công tác cán bộ nữ, Hội đã xây dựng chương trình hành động, chủ động, tích cực phát hiện, giới thiệu nhân sự đủ tiêu chuẩn vào quy hoạch, tham gia cấp ủy Đảng, lãnh đạo các ngành; tham gia hiệp thương, tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho các nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016. Công tác bồi dưỡng, giới thiệu phụ nữ ưu tú để Đảng xem xét kết nạp được quan tâm đầu tư, góp phần nâng tỷ lệ nữ đảng viên trong tổng số đảng viên mới được kết nạp lên 37,85%¹¹.

Công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về công tác phụ nữ ngày càng được chú trọng ở cấp Trung ương và tỉnh/thành, tập trung vào các vấn đề: đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, gia đình, kinh tế, lao động việc làm, cán bộ nữ... Năm năm qua, đã có 15 đề tài nghiên cứu cấp bộ/ngành được nghiệm thu, kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng trong quá trình đề ra chủ trương và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác Hội, là cơ sở để Hội tham mưu đề xuất chính sách.

3. Hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo ngày càng đa dạng, thiết thực, hiệu quả và đạt được những kết quả nổi bật.

Công tác hỗ trợ phụ nữ nghèo được các cấp Hội tiếp tục đẩy mạnh, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả, coi trọng phát huy nội lực của phụ nữ để giảm nghèo bền vững. Các phong trào “*Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế*”, “*Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ*”... được duy trì bền bỉ trong suốt những năm qua, tiếp sức cùng các cuộc vận động lớn “*Mái ấm tình thương*”, “*Thực hành tiết kiệm theo gương Bác*” với nhiều hình thức sáng tạo “*Hũ gạo tiết kiệm*”, “*Nuôi heo đất*”... được triển khai sâu rộng khắp cả nước đã tạo nên nguồn nội lực to lớn trị giá trên 3.400 tỉ đồng, giúp cho trên 5,6 triệu lượt phụ nữ trong nhiệm kỳ qua.

Việc khai thác, quản lý nguồn vốn từ các Ngân hàng, các chương trình, dự án, các nhóm phụ nữ tiết kiệm, đặc biệt từ Ngân hàng Chính sách xã hội được các cấp Hội tiếp tục đẩy mạnh. Đến cuối năm 2011, tổng dư nợ các nguồn vốn do các cấp Hội quản lý đạt trên 47 ngàn tỉ đồng, giúp cho hơn 21 triệu lượt phụ nữ vay phát triển sản xuất kinh doanh. Riêng nguồn vốn ủy thác từ Ngân hàng Chính sách - Xã hội đạt dư nợ trên 41 ngàn tỉ đồng (gấp 4 lần nhiệm kỳ X), tỷ lệ hoàn trả luôn ở mức 99%. Trong nhiệm kỳ, Hội đã phối hợp với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho gần 10 triệu lượt phụ nữ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả sản xuất kinh doanh của phụ nữ.

¹¹ Nguồn: Ban Tổ chức Trung ương, năm 2010.

Hoạt động tài chính vi mô của Hội có sự phát triển theo hướng chuyên nghiệp, bền vững, góp phần thúc đẩy đổi mới phương thức hoạt động của Hội. Quỹ Tình thương trở thành tổ chức tài chính quy mô nhỏ đầu tiên trong cả nước được cấp phép. Mô hình cho vay gián tiếp và nâng cao năng lực cho các tổ chức tài chính vi mô trong hệ thống Hội được thí điểm thực hiện thành công. Các chương trình, dự án tài chính vi mô ở một số tỉnh đang được sáp nhập, quản lý thống nhất, có bộ máy chuyên trách, tiến tới thành lập tổ chức tài chính vi mô. Công tác khảo sát, phân tích tình hình hoạt động tài chính vi mô của toàn hệ thống Hội đã được tiến hành định kỳ hàng năm, là cơ sở để các cấp Hội nâng cao chất lượng quản lý chương trình và tham vấn chính sách. Chiến lược phát triển tài chính vi mô của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đang được xây dựng và hoàn thiện.

Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ sản xuất kinh doanh, làm giàu chính đáng, khởi sự và phát triển doanh nghiệp có nhiều đổi mới: gắn kết hỗ trợ vốn vay với tổ chức tập huấn nghề, kỹ năng kinh doanh có sự đóng góp của nữ chủ doanh nghiệp; diễn đàn vận động chính sách, kết nối mạng lưới, khen thưởng và tôn vinh... được tổ chức thường xuyên ở nhiều địa phương, góp phần tăng tỷ lệ nữ doanh nhân.

Công tác dạy nghề có bước chuyển quan trọng với việc triển khai thực hiện Đề án “*Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015*” trên phạm vi toàn quốc. Hệ thống cơ sở dạy nghề và giới thiệu việc làm của Hội được quy hoạch trong tổng thể chung của cả nước và được củng cố, phát triển. Dạy nghề cho lao động nữ nông thôn được tập trung triển khai, không chỉ tại các cơ sở dạy nghề của Hội mà còn dưới hình thức phối hợp, liên kết, mở lớp lưu động. Hoạt động dạy nghề được tổ chức linh hoạt, gắn kết chặt chẽ hơn với hỗ trợ tạo việc làm thông qua hỗ trợ vốn và mở rộng hợp tác với các đối tác để tạo việc làm tại chỗ cho lao động nữ. Đến cuối năm 2011, các cấp Hội đã tổ chức và phối hợp, liên kết dạy nghề cho hơn 1,1 triệu lượt lao động nữ, trong đó có gần 300 ngàn lao động nữ được đào tạo nghề từ các cơ sở dạy nghề của Hội; giới thiệu việc làm cho trên 800 ngàn lao động nữ.

Với nỗ lực không ngừng và bằng nhiều giải pháp, phối hợp giữa hỗ trợ vốn với hướng dẫn kiến thức, kinh nghiệm làm ăn, dạy nghề, tạo việc làm, xây dựng mô hình phát triển kinh tế, giúp khởi sự doanh nghiệp...; năm năm qua, các cấp Hội đã giúp trên 2,7 triệu lượt hộ nghèo do phụ nữ làm chủ phát triển kinh tế, trong đó gần 450 ngàn hộ đã thoát nghèo; hỗ trợ xây dựng và sửa chữa được 10.713 “*Mái ấm tình thương*” cho phụ nữ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; giúp trên 256 ngàn nữ chủ doanh nghiệp tiếp cận vốn vay...; đóng góp quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế, giảm nghèo của cả nước.

4. Hoạt động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc được đẩy mạnh.

Hoạt động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình được đặc biệt quan tâm trong nhiệm kỳ qua và được lồng ghép chặt chẽ với việc thực hiện phong trào thi đua, cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” và các nhiệm vụ trọng tâm của Hội. Cùng với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Hội đã xây dựng và thực hiện một số dự án, đề án hướng vào gia đình, lấy gia đình là đối tượng đích để tác động, tạo ra phương thức can thiệp, hỗ trợ toàn diện. Đề án “*Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi, dạy con tốt giai đoạn 2010 - 2015*” đã bước đầu hỗ trợ phụ nữ nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng, hướng tới thay đổi hành vi nuôi dạy con theo khoa học. Cuộc vận động “*Xây dựng gia*

*đình 5 không 3 sạch*¹²” với nội dung thiết thực đã được các cấp Hội và hội viên phụ nữ cả nước hưởng ứng. Truyền thông nâng cao kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, dân số/kế hoạch hóa gia đình, nuôi dạy con, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống dịch bệnh, HIV/AIDS, phòng chống bạo lực gia đình... luôn là những nội dung chính được lồng ghép trong các buổi sinh hoạt hội viên, sinh hoạt câu lạc bộ, nhóm phụ nữ tín dụng tiết kiệm, góp phần hỗ trợ phụ nữ thực hiện vai trò nòng cốt trong xây dựng gia đình.

Để nâng cao vai trò của gia đình trong giải quyết các vấn đề xã hội, các cấp Hội tiếp tục phối hợp chặt chẽ với ngành Công an thực hiện Nghị quyết Liên tịch 01/2002/NQLT về “*Quản lý, giáo dục con em trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội*”; phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo trong triển khai phong trào “*Trường học thân thiện, học sinh tích cực*”, cuộc vận động “*Tiếp bước cho em đến trường*”... Các chương trình phối hợp đã góp phần thiết thực nâng cao trách nhiệm của các bậc cha mẹ trong nuôi dạy, giáo dục con.

Công tác tư vấn, hỗ trợ hôn nhân, gia đình từng bước được đẩy mạnh. Nhiều mô hình được duy trì và nhân rộng, thu hút các nhóm phụ nữ tham gia, trong đó nổi bật là mô hình câu lạc bộ xây dựng gia đình hạnh phúc, câu lạc bộ gia đình không có tệ nạn xã hội, nhóm tín dụng tiết kiệm lồng ghép truyền thông dân số/sức khỏe sinh sản gắn với bình đẳng giới, mô hình phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường gắn với cuộc vận động “*Phụ nữ cả nước thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm vì sức khỏe gia đình và cộng đồng*”, mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau... Các mô hình mới trong tư vấn, hỗ trợ hôn nhân gia đình, hôn nhân có yếu tố nước ngoài, phòng chống bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ - trẻ em và các tệ nạn xã hội khác đã được triển khai thực hiện như Trung tâm hỗ trợ kết hôn, Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, Ngôi nhà bình yên, đường dây nóng... bước đầu đáp ứng nhu cầu của các nhóm phụ nữ. Các mô hình nhóm trẻ gia đình, dịch vụ đưa đón con đi học, chăm sóc người cao tuổi, dịch vụ giúp việc gia đình đã được một số cấp Hội thí điểm, góp phần hỗ trợ phụ nữ giảm bớt công việc gia đình và là cơ sở cho việc chỉ đạo mở rộng các mô hình dịch vụ xã hội về gia đình trong nhiệm kỳ tới.

Việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh và công tác hậu phương quân đội được các cấp Hội thường xuyên quan tâm, huy động phụ nữ tham gia như vận động tuyên truyền, thăm, tặng quà, hỗ trợ, động viên gia đình các chiến sỹ biên cương, hải đảo; phối hợp với bộ đội biên phòng trong các hoạt động bảo vệ an ninh biên giới; tham gia tích cực cuộc vận động “*Vì biển đảo quê hương*”, thi “*Tìm hiểu biển, đảo Việt Nam*”... Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện được đông đảo các tầng lớp phụ nữ hưởng ứng. Trong nhiệm kỳ, các cấp Hội cả nước đã vận động, tặng tiền, quà trị giá trên 241 tỷ đồng cho các gia đình chính sách; vận động xây dựng tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm sóc Mẹ Việt Nam Anh hùng, mẹ liệt sỹ; ủng hộ lương thực, quần áo, vật dụng thiết yếu cho đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai, bão lũ.

5. Nội dung, phương thức hoạt động của Hội tiếp tục đổi mới; tổ chức bộ máy từng bước được kiện toàn; năng lực tổ chức ngày càng được nâng lên.

Điểm nổi bật trong nhiệm kỳ qua là các cấp Hội đã chú trọng nghiên cứu tìm tòi và quyết tâm cao trong thực hiện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tiếp tục triển

¹² Năm không gồm: không đói nghèo, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không sinh con thứ 3 trở lên, không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học. Ba sạch gồm: sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ.

khai có hiệu quả các hoạt động chăm lo lợi ích thiết thực, giải quyết những vấn đề đặt ra đối với phụ nữ; đổi mới và từng bước nâng cao chất lượng thực hiện vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho phụ nữ. Phương thức hoạt động tiếp tục được đổi mới theo hướng phát huy sự chủ động, sáng tạo của các cấp Hội và nội lực của phụ nữ; đa dạng hóa các hình thức tập hợp phụ nữ; chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường công tác lập kế hoạch, xây dựng và triển khai các đề án nhằm thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới; mở rộng hợp tác, phối hợp với chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể; quan tâm kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật và tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời.

Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp Hội được tập trung thực hiện theo hướng hợp lý, rõ ràng, chuyên sâu, khắc phục sự phân tán. Việc ban hành các qui chế, qui định đã phát huy dân chủ, tạo sự thống nhất, hiệu quả trong lãnh đạo của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ và quản lý, vận hành cơ quan chuyên trách Hội.

Việc củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động cơ sở Hội được tập trung chỉ đạo thực hiện theo phương châm “Ở đâu có phụ nữ, ở đó có tổ chức Hội”. Tổ chức Hội cơ sở được chỉ đạo thống nhất theo mô hình: Ban Chấp hành Hội cơ sở - Chi hội - Tổ phụ nữ; chú trọng xây dựng các mô hình phù hợp tập hợp các nhóm đối tượng (phụ nữ cao tuổi, nữ thanh niên, phụ nữ di cư); tập trung phát triển hội viên theo hộ gia đình; đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt hội viên. Công tác vận động phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo tiếp tục đi vào chiều sâu, xây dựng được một số mô hình mới hiệu quả.

Việc cấp thẻ hội viên được triển khai tại 100% tỉnh/thành với 67,5% số xã đã phát thẻ giúp Hội tăng cường quản lý hội viên. Công tác thu nộp hội phí, xây dựng quỹ Hội được thực hiện nghiêm túc: tỷ lệ hội viên đóng hội phí đạt gần 89%; 92,63% cơ sở xây dựng được quỹ Hội.

Chất lượng hoạt động của tổ chức Hội cơ sở được nâng lên; 95% cơ sở Hội xây dựng được lực lượng hội viên nòng cốt; số cơ sở được xếp loại vững mạnh và xuất sắc đạt 98,27%; 297 cán bộ Hội được khen tặng danh hiệu “Cán bộ Hội cơ sở giỏi toàn quốc”. Đến cuối nhiệm kỳ, đã thu hút, tập hợp 15.342.302 phụ nữ vào tổ chức Hội, đạt 72,73%, tăng 9,11% so với nhiệm kỳ trước; tỷ lệ phát triển hội viên trong hộ gia đình có phụ nữ từ 18 tuổi trở lên đạt 80,42%.

Tính liên hiệp của tổ chức Hội được mở rộng, bước đầu đạt một số kết quả tích cực. Hội đã hỗ trợ thành lập Hội Nữ trí thức Việt Nam; thí điểm thành lập tổ chức Hội trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước và phát triển các mô hình tập hợp nữ công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất; ký kết Liên tịch với Đảng ủy ngoài nước để thí điểm hình thức tập hợp phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài. Hệ thống câu lạc bộ doanh nhân nữ tiếp tục được mở rộng; nhiều câu lạc bộ đã phát triển thành Hội và Hiệp hội doanh nhân nữ hoạt động như các tổ chức xã hội nghề nghiệp, là cơ sở xúc tiến thành lập Hội Nữ doanh nhân Việt Nam.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu công việc được mở rộng về quy mô, đa dạng về hình thức, chú trọng về chất lượng. Việc xây dựng và triển khai Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và cơ sở giai đoạn 2008 - 2012” đã góp phần quan trọng nâng cao năng lực, trình độ và chuẩn hóa cán bộ Hội cấp huyện và cơ sở. Tính chung các loại hình đào tạo, bồi

duỡng, đã có trên 300.000 lượt cán bộ Hội được tham gia, góp phần quan trọng vào kết quả đạt tiêu chuẩn chức danh về trình độ chuyên môn: 100% Chủ tịch, 98,39% Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, 81,86% cán bộ chủ chốt cấp huyện có trình độ đại học trở lên (tăng 23,29%), 62,61% Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên (tăng 37,66%).

Công tác kiểm tra được thực hiện nghiêm túc, nề nếp, nội dung kiểm tra có chiều sâu, phương pháp kiểm tra được đổi mới theo hướng tăng cường phát hiện và hướng dẫn, giúp đỡ cơ sở; cơ bản đạt chỉ tiêu nhiệm kỳ về tỷ lệ cấp Hội thực hiện kiểm tra.

Công tác thi đua khen thưởng từng bước đổi mới, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong các cấp Hội, góp phần thực hiện các nhiệm vụ công tác Hội và sự phát triển của phong trào phụ nữ trong thời kỳ đổi mới đất nước. Nội dung thi đua có trọng tâm, trọng điểm, hướng mạnh về cơ sở, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của cơ sở trong xác định các chỉ tiêu, cụ thể hóa nội dung thi đua phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ của địa phương, đơn vị, nhu cầu và đặc điểm của đối tượng. Việc xét khen thưởng được thực hiện thường xuyên, công khai, dân chủ, đúng nguyên tắc, đúng đối tượng.

6. Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế đạt nhiều kết quả rõ nét, góp phần mở rộng hợp tác, hỗ trợ thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của Hội.

Quan hệ song phương giữa Hội với tổ chức phụ nữ và tổ chức có hoạt động liên quan đến phụ nữ của các nước đã được nâng lên thông qua việc ký kết và thực hiện các thỏa thuận, hợp tác quốc gia, khu vực và quốc tế; tổ chức các hoạt động quyên góp ủng hộ phụ nữ các nước gặp khó khăn về kinh tế hoặc bị ảnh hưởng nặng nề bởi thảm họa thiên tai. Quan hệ hữu nghị với tổ chức phụ nữ các nước láng giềng và các nước có quan hệ truyền thống được củng cố. Đặc biệt quan hệ giữa Hội với Hội Phụ nữ cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Hội Phụ nữ Chăm-pu-chia vì hòa bình và phát triển có những bước tiến mới. Nhiều tỉnh Hội vùng giáp biên đã ký kết và thực hiện thỏa thuận hợp tác qua biên giới với các tỉnh nước bạn, góp phần xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị; phối hợp với Bộ đội Biên phòng tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia bảo vệ an ninh biên giới, vùng biển.

Trong quan hệ đa phương, Hội tham gia chủ động, tích cực và ngày càng có hiệu quả vào các diễn đàn khu vực và quốc tế; tổ chức thành công Đại hội đồng Liên đoàn các Tổ chức Phụ nữ ASEAN (ACWO) lần thứ 14 tại Hà Nội; thực hiện tốt vai trò thành viên Mạng lưới các nhà Lãnh đạo nữ APEC, Liên đoàn Phụ nữ Dân chủ Quốc tế, Liên Hợp Quốc...; tham gia đánh giá việc thực hiện các cam kết quốc tế liên quan tới quyền của phụ nữ và bình đẳng giới. Đến nay, Hội đã có quan hệ với 307 tổ chức tại 66 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại được đẩy mạnh với nhiều hình thức. Hoạt động đấu tranh dư luận đối ngoại trong các giao dịch và hôn nhân có yếu tố nước ngoài đã góp phần bảo vệ quyền, lợi ích và nhân phẩm của phụ nữ Việt Nam. Hội tranh thủ các diễn đàn quốc tế phù hợp đấu tranh đòi Chính phủ Mỹ có trách nhiệm trong việc giải quyết hậu quả chất da cam đi-ô-xin, đặc biệt trong hỗ trợ nạn nhân.

Hội đã tổ chức một số hoạt động thúc đẩy công tác tập hợp, vận động phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc: nghiên cứu mô hình tập hợp, hướng dẫn hoạt động cho một số tổ chức Phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài; tổ chức giao lưu với nữ Việt kiều...

Công tác vận động nguồn lực quốc tế tiếp tục được quan tâm nhằm phục vụ các nhiệm vụ trọng tâm của Hội. Trong 5 năm, TW Hội vận động được trên 40 dự án, tập trung vào xây dựng các mô hình mới về nâng cao năng lực lồng ghép giới, tăng quyền năng cho phụ nữ cao tuổi, phòng chống bạo hành đối với phụ nữ, giới và ứng phó với biến đổi khí hậu... Một số tỉnh, thành đã tích cực chủ động trong khai thác nguồn lực quốc tế phục vụ hiệu quả các hoạt động trọng tâm của Hội.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Năm năm qua, phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, các tầng lớp phụ nữ đã hăng hái tham gia phong trào thi đua yêu nước, tích cực học tập, kiên trì, bền bỉ phấn đấu, năng động, sáng tạo trong lao động sản xuất, công tác, đóng góp hiệu quả vào công cuộc phát triển kinh tế, giảm nghèo, thực hiện an sinh xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với sự phát triển của đất nước, trình độ, năng lực, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được nâng lên; đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ từng bước được cải thiện.

Bám sát chức năng của Hội, nhiệm vụ chính trị của đất nước, xu thế hội nhập quốc tế và nhu cầu, nguyện vọng của phụ nữ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã giữ vững vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ và sự nghiệp bình đẳng giới, góp phần quan trọng thực hiện Nghị quyết 11- NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các cấp Hội đã tập hợp, vận động các tầng lớp phụ nữ tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Không chỉ tổ chức các hoạt động nhằm giải quyết những vấn đề thiết thân, chăm lo cho phụ nữ, Hội còn tập trung đề xuất chính sách, tham gia xây dựng, phản biện xã hội, giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ. Phương thức hoạt động có sự đổi mới rõ nét. Tính liên hiệp và việc thực hiện chức năng đại diện, vai trò cầu nối giữa Đảng với phụ nữ có nhiều chuyển biến tốt. Tổ chức Hội có bước phát triển, tỷ lệ phụ nữ tham gia tổ chức Hội, tham gia các hoạt động Hội ngày càng tăng; bộ máy, cán bộ tiếp tục được kiện toàn, chất lượng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu công tác phụ nữ trong tiến trình đổi mới và hội nhập. Sau một nhiệm kỳ nỗ lực phấn đấu, có 15/17 chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ X đề ra đã đạt và vượt.

Đóng góp to lớn của các tầng lớp phụ nữ và các cấp Hội trong 5 năm qua đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận bằng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý cho các tập thể, cá nhân: 07 Anh hùng lao động thời kỳ Đổi mới, 07 Huân chương Hồ Chí Minh, 412 Huân chương Độc lập các hạng, 2.101 Huân chương Lao động các hạng; 29 Nhà giáo nhân dân, 695 Nhà giáo ưu tú; 15 Thầy thuốc nhân dân, 655 Thầy thuốc ưu tú; 12 Nghệ sĩ nhân dân, 104 Nghệ sĩ ưu tú. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng lần thứ 2.

Có được những thành tích nhiệm kỳ qua là do phụ nữ các tầng lớp đã nỗ lực phấn đấu trên mọi lĩnh vực, gắn bó và ủng hộ tổ chức Hội; các cấp Hội đã vận dụng sáng tạo chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào thực hiện các nhiệm vụ công tác Hội; gắn bó với hội viên, phụ nữ; đoàn kết, quyết tâm cao trong thực hiện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Đội ngũ cán bộ Hội các cấp nhiệt tình, trách nhiệm, tâm huyết, tận tụy với phong trào phụ nữ và hoạt động Hội. Đặc biệt Hội luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, các chính sách tạo điều kiện của Nhà

nước, sự ủng hộ, hợp tác thiết thực, hiệu quả của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, cộng đồng và bạn bè quốc tế.

Bên cạnh những thành tích rất đáng tự hào, phong trào phụ nữ và công tác Hội còn một số *tồn tại, hạn chế*:

Phong trào phụ nữ phát triển chưa đồng đều, chưa khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng, sức sáng tạo của các tầng lớp phụ nữ. Một số hoạt động chăm lo, hỗ trợ phụ nữ hiệu quả chưa cao, chưa sâu sát với từng nhóm đối tượng đặc thù, chưa phát huy được tính chủ động của phụ nữ. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục phẩm chất đạo đức thiếu chiều sâu, công tác tư tưởng chưa nhạy bén, tuyên truyền về hoạt động Hội còn mờ nhạt. Việc tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát thực hiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới còn nhiều hạn chế, thiếu chủ động. Các cấp Hội thiếu mạnh dạn đấu tranh và chủ động tham gia giải quyết các vụ việc bạo hành, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Hoạt động hỗ trợ phụ nữ duy trì việc làm ổn định sau dạy nghề và giảm nghèo hiệu quả chưa cao. Công tác vận động phụ nữ xây dựng gia đình chưa bắt kịp tình hình mới, kết quả chưa rõ nét. Việc quản lý hội viên ở một số địa phương chưa chặt chẽ. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy cấp tỉnh/thành còn chậm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu nguồn cán bộ nữ cho Đảng và hệ thống chính trị thiếu tính chiến lược nên hiệu quả chưa cao, chưa đạt yêu cầu theo tinh thần Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị và pháp luật về bình đẳng giới. Đến cuối nhiệm kỳ còn 2 chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội chưa đạt (*tỷ lệ bà mẹ có con dưới 16 tuổi được hướng dẫn cách nuôi dạy con, tỷ lệ cán bộ Hội đạt chuẩn chức danh*).

Nguyên nhân chủ quan của những hạn chế trên là do việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của các tầng lớp phụ nữ. Hội chưa chủ động chuẩn bị tốt về cơ sở lý luận, thực tiễn và tổ chức tham vấn xây dựng chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Năng lực tham mưu chiến lược của cán bộ Hội cấp trung ương, cấp tỉnh/thành, năng lực triển khai tổ chức thực hiện của cán bộ Hội cấp quận/huyện và cơ sở còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ Hội nhận thức chưa đầy đủ về tôn chỉ, mục đích, vai trò nòng cốt của tổ chức Hội, yêu cầu công tác vận động phụ nữ trong điều kiện mới, làm việc theo lối hành chính, chưa kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của phụ nữ. Công tác cán bộ của từng cấp Hội còn thiếu tính chiến lược, thiếu quy hoạch tạo nguồn chuyên gia giỏi, công tác đào tạo chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Một số chủ trương công tác chỉ đạo chưa quyết liệt, thiếu giải pháp cụ thể; tổ chức thực hiện một số hoạt động còn lúng túng, dàn trải. Một số cấp Hội thiếu chủ động trong vận động nguồn lực, còn trông chờ vào ngân sách nhà nước.

Nguyên nhân khách quan là do việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách, luật pháp của Đảng, Nhà nước liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới ở cả cấp trung ương và địa phương còn chậm; công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện chủ trương chính sách liên quan đến phụ nữ chưa được quan tâm đúng mức, chưa hiệu quả. Một số cấp ủy Đảng, Chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến công tác phụ nữ, công tác Hội, chưa tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ, thiếu sự phối hợp đồng bộ của các ban, ngành, đoàn thể. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội chưa đồng đều giữa các vùng miền, mặt trái của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; diễn biến phức tạp của các tệ nạn xã hội, tội phạm, bạo lực gia đình... đã tác động trực tiếp đến đời sống, lối sống của một bộ phận phụ nữ, ảnh hưởng đến khả năng huy động, vận động phụ nữ và chất lượng hoạt động của phong trào phụ nữ. Nguồn lực tài chính

cho mục tiêu bình đẳng giới và hoạt động của Hội còn hạn hẹp.

Từ thực tiễn phong trào và hoạt động Hội, có thể rút ra một số *bài học kinh nghiệm* sau:

1. Việc ban hành chủ trương, chính sách phù hợp tạo điều kiện cho sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới, cùng với việc quán triệt và lồng ghép giới trong các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đi đôi với những biện pháp chỉ đạo kiên quyết của cấp uỷ Đảng, Chính quyền; sự hỗ trợ, phối hợp đồng bộ, hiệu quả của các cấp, các ngành; sự quan tâm của toàn xã hội trong tổ chức thực hiện, là điều kiện tiên quyết cho sự thành công của công tác phụ nữ và sự nghiệp bình đẳng giới.

2. Với vai trò chủ thể, là yếu tố trực tiếp quyết định sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới, phụ nữ Việt Nam phải không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ mọi mặt, phát huy nội lực, tinh thần hợp tác, tương thân tương ái, chủ động giải quyết những vấn đề đặt ra đối với phụ nữ, bản thân và gia đình.

3. Các cấp Hội phải không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, chủ động tham mưu đề xuất và vận động thực hiện luật pháp chính sách về bình đẳng giới. Đội ngũ cán bộ Hội là yếu tố then chốt xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; cán bộ Hội các cấp phải gương mẫu, đoàn kết, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực; luôn năng động, sáng tạo, sâu sát cơ sở, gắn bó mật thiết, có trách nhiệm với hội viên, phụ nữ.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2012 - 2017

Trong 5 năm tới, sự phát triển của phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có nhiều thuận lợi căn bản. Việt Nam đã vươn lên nhóm các nước có thu nhập trung bình thấp và đang đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Việc thực hiện chủ trương xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tái cơ cấu nền kinh tế... để đất nước phát triển nhanh và bền vững, cải thiện đời sống nhân dân, phát huy dân chủ, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Vai trò, vị thế của phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tiếp tục được khẳng định. Các tổ chức quốc tế, các quốc gia ngày càng quan tâm hơn tới vấn đề bình đẳng giới.

Bên cạnh đó, phong trào phụ nữ và hoạt động Hội cũng đang đứng trước không ít khó khăn, thách thức. Khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Áp lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, tình trạng lạm phát, thất nghiệp, thiếu việc làm, thu nhập thấp, không ổn định sẽ là gánh nặng dồn lên người phụ nữ vốn là đối tượng dễ bị tổn thương và có vai trò chủ yếu trong quán xuyến, lo toan cuộc sống gia đình. Tư tưởng trọng nam hơn nữ còn tiếp tục tồn tại dưới nhiều hình thức.

Trên cơ sở nghiên cứu vận dụng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI, Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, các nghị quyết, chỉ thị, chiến lược của Đảng, Nhà nước có liên quan trực tiếp tới công tác phụ nữ và bình đẳng giới; căn cứ kết quả

thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ X, nhu cầu của hội viên, phụ nữ và dự báo về thuận lợi, khó khăn; Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khóa X xây dựng phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2012 - 2017 trình Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI:

I. MỤC TIÊU

Đoàn kết, vận động phụ nữ phát huy nội lực, chủ động, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam yêu nước, có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. 80% trở lên phụ nữ được Hội tuyên truyền phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của của Đảng, Nhà nước và giáo dục phẩm chất đạo đức thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.
2. 100% gia đình hội viên được tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch*”; trong đó, 70% trở lên hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “*5 không, 3 sạch*”.
3. Đến cuối nhiệm kỳ ít nhất 700.000 chủ hộ nghèo là phụ nữ được vay vốn và được Hội giúp đỡ, trong đó khoảng 400.000 hộ thoát nghèo; hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 10.000 mái âm tình thương; vận động hội viên tiết kiệm tạo nguồn vốn phát triển sản xuất đạt 5.000 tỷ đồng.
4. Hàng năm tư vấn nghề, giới thiệu và tạo việc làm cho 100.000 lao động nữ; đào tạo nghề cho 50.000 lao động nữ, trong đó khoảng 70% có việc làm sau học nghề.
5. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đề xuất được ít nhất 05 chính sách về các lĩnh vực hỗ trợ gia đình, hỗ trợ các nhóm phụ nữ đặc thù, lao động nữ, phát triển nguồn nhân lực nữ và cán bộ nữ.
6. Hàng năm, 100% Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh/thành, quận/huyện giám sát được ít nhất 02 chính sách; 80% cơ sở Hội giám sát ít nhất 01 chính sách có liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới.
7. 100% cán bộ chủ chốt cấp trung ương và tỉnh đạt chuẩn chức danh theo quy định; 90% trở lên cán bộ chủ chốt cấp huyện và Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp cơ sở đạt chuẩn chức danh về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị.
8. Tỷ lệ thu hút hội viên đạt khoảng 75% trong tổng số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên.

III. KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Tạo chuyển biến mới về chất lượng, hiệu quả vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, giảm nghèo bền vững.
2. Xây dựng được cơ chế qui định trách nhiệm của Hội trong công tác cán bộ nữ và chính sách phát triển nguồn nhân lực nữ.
3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội các cấp, đặc biệt cấp Trung ương và cơ sở.

IV. PHONG TRÀO THI ĐUA

Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*” gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Triển khai sâu rộng hai cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” và phấn đấu, rèn luyện các phẩm chất đạo đức “*Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang*”.

Duy trì, nâng cao chất lượng Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Kovalevskaja; xây dựng và phát triển Quỹ Giải thưởng Tài năng nữ. Tổ chức “*Ngày phụ nữ sáng tạo*” ở cấp Trung ương, tỉnh/thành và “*Ngày hội gia đình hạnh phúc*” ở các cấp Hội.

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Nhiệm vụ 1: Tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ thực hiện chủ trương, luật pháp, chính sách; rèn luyện phẩm chất đạo đức; nâng cao trình độ, nhận thức.

- Tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng cách mạng, truyền thống, phẩm chất đạo đức, lối sống. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “*Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước giai đoạn 2010 - 2015*”; trọng tâm là vận động, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ rèn luyện các phẩm chất đạo đức “*Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang*”.

- Tuyên truyền, vận động phụ nữ thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, quyền và nghĩa vụ công dân; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Xây dựng và thực hiện Đề án “*Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của phụ nữ*”.

- Đổi mới công tác nắm tình hình tư tưởng, đời sống, nhu cầu, nguyện vọng của các tầng lớp phụ nữ, đặc biệt các nhóm phụ nữ yếu thế; kịp thời phát hiện các vụ việc ngược đãi, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm, vi phạm các quyền hợp pháp của phụ nữ để có biện pháp giải quyết.

- Phối hợp với cơ quan Văn sự tiến bộ của phụ nữ các cấp, ngành văn hóa, thông tin đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, có biện pháp góp phần giảm thiểu định kiến giới trong sách giáo khoa, trong các ấn phẩm văn hóa, thông tin, quảng cáo; đề xuất các cơ quan chức năng tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục, chuyên đề và các ấn phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới.

- Vận động phụ nữ tích cực học tập nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật, trình độ văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, kiến thức xây dựng gia đình, gương mẫu chấp hành các quy định của pháp luật. Có biện pháp nâng cao nhận thức, năng lực cho phụ nữ thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân, quyền dân chủ trực tiếp. Đề xuất chương trình xóa mù chữ cho phụ nữ, tập trung cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở các vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Duy trì, phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng tủ sách phụ nữ; vận động, khuyến khích phụ nữ tham gia phong trào đọc và vận dụng kiến thức từ sách báo vào cuộc sống. Phấn đấu các chi Hội có báo của Hội Phụ nữ. Thực hiện có chất lượng chủ trương cấp báo Phụ nữ Việt Nam chuyên đề Dân tộc và miền núi cho Hội Liên hiệp Phụ nữ xã và chi Hội phụ nữ thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Khuyến khích khả năng sáng tạo của phụ nữ. Tổ chức Ngày Phụ nữ Sáng tạo định kỳ 2 năm/1 lần với các hoạt động: hội thảo, tọa đàm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, phát hiện, tôn vinh sản phẩm sáng tạo của phụ nữ trên mọi lĩnh vực. Hỗ trợ phát triển các ý tưởng sáng tạo có khả năng ứng dụng trong thực tiễn và đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao.

Nhiệm vụ 2: Vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

- Nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò, vị trí của gia đình và trách nhiệm xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững. Hướng dẫn phụ nữ kiến thức, kỹ năng về giáo dục gia đình và tổ chức cuộc sống gia đình. Triển khai sâu rộng cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” trên cơ sở phát huy tính chủ động của hộ gia đình, vai trò nòng cốt của phụ nữ; xây dựng và nhân rộng mô hình truyền thông, tư vấn, hỗ trợ xây dựng gia đình phù hợp với địa bàn dân cư, vận động sự tham gia của cộng đồng, nam giới và các thành viên gia đình.

- Thực hiện hiệu quả Đề án “*Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi, dạy con tốt giai đoạn 2010 - 2015*”; phối hợp thực hiện tốt Đề án “*Nâng cao chất lượng quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững*”. Xây dựng và thực hiện Đề án phát triển nhà, nhóm trẻ dựa vào cộng đồng. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Liên tịch 01/2002/NQLT với Bộ Công an về “*Quản lý, giáo dục con em trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội*”.

- Tổ chức các hoạt động dịch vụ gia đình và dịch vụ an sinh xã hội theo hướng chuyên nghiệp, từng bước tự vững nhằm phục vụ nhu cầu của phụ nữ, gia đình. Mỗi tỉnh/thành có ít nhất 01 mô hình dịch vụ gia đình phù hợp với điều kiện địa phương. Thí điểm và triển khai ra diện mô hình *Trung tâm tư vấn tiền hôn nhân và hỗ trợ gia đình* trực thuộc Trung ương Hội và các tỉnh/thành Hội.

- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, vận động, đấu tranh phòng chống buôn bán phụ nữ - trẻ em, bạo lực gia đình, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và thực hiện an toàn giao thông. Mở rộng mô hình “*địa chỉ tin cậy*” tại cộng đồng; mỗi cơ sở Hội xếp loại xuất sắc xây dựng được ít nhất 01 địa chỉ tin cậy ở cộng đồng nhằm tư vấn giải quyết mâu thuẫn, bạo lực gia đình; trợ giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình, bị buôn bán trở về. Nâng cao hiệu quả hoạt động, tính bền vững của các mô hình hỗ trợ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình, bị buôn bán trở về, phụ nữ kết hôn với người nước ngoài và phòng, chống bạo lực học đường.

- Hàng năm các cấp Hội tổ chức “*Ngày hội gia đình hạnh phúc*” vào dịp Ngày Gia đình Việt Nam theo hướng triển khai đồng bộ các hoạt động biểu dương, truyền thông, tư vấn, hội thi, diễn đàn, triển lãm...thu hút sự tham gia của nam giới nhằm khuyến khích tăng cường trách nhiệm và sự chia sẻ trong công việc gia đình.

- Phối hợp chặt chẽ với ngành chức năng tổ chức các hoạt động, triển khai mô hình lồng ghép truyền thông dân số - kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản. Vận động phụ nữ thực hiện hiệu quả Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, góp phần duy trì tỷ lệ tăng dân số 1%/năm, giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, đặc biệt phòng lây truyền từ mẹ sang con, giảm kỳ thị và hỗ trợ người nhiễm, người bị ảnh hưởng bởi HIV.

Chủ động tham gia các hoạt động giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, giảm tỷ lệ phá thai; quan tâm chăm sóc sức khỏe phụ nữ cao tuổi... Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và cơ sở phối hợp với ngành y tế tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho phụ nữ tại cộng đồng.

- Tiếp tục vận động phụ nữ phát huy tính tự lực, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái; đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và công tác hậu phương quân đội, phong trào đền ơn đáp nghĩa, hoạt động nhân đạo.

Nhiệm vụ 3: Vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, hướng dẫn và vận động phụ nữ khu vực nông thôn hiểu rõ, hiểu đúng và tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách về nông nghiệp - nông dân - nông thôn; chủ động, sáng tạo tham gia chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thi đua sản xuất kinh doanh có hiệu quả; góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Vận động phụ nữ phát huy tinh thần vượt khó vươn lên thoát nghèo. Chỉ đạo các chi Hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã nắm vững tình hình hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ, đăng ký chỉ tiêu giúp hộ nghèo có địa chỉ và huy động, tập trung các giải pháp hỗ trợ đồng bộ để giảm nghèo hiệu quả: tiếp cận vốn vay, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao kiến thức, kỹ năng về quản lý kinh tế hộ gia đình, kỹ năng kinh doanh, quản lý chi tiêu tiết kiệm.

Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng tiết kiệm hỗ trợ phụ nữ nghèo; tập trung chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động ủy thác với Ngân hàng Chính sách - Xã hội. Tiếp tục vận động phụ nữ, cộng đồng tham gia các phong trào "*Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế*", "*Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ*", "*Phụ nữ làm kinh tế giỏi*" và cuộc vận động xây dựng "*Mái ấm tình thương*"; thực hiện trong cả nước mỗi hội viên tiết kiệm ít nhất 5.000 đồng/tháng tạo nguồn vốn vay tại chi Hội để chị em có thêm vốn phát triển sản xuất.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược tài chính vi mô của Hội nhằm hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững. Vận động, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ tham gia các loại hình kinh tế hợp tác, khởi sự và phát triển doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu quy hoạch, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Thực hiện hiệu quả, đạt mục tiêu Đề án "*Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015*", góp phần thực hiện chỉ tiêu về tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020. Gắn kết chặt chẽ hoạt động dạy nghề với hỗ trợ tạo việc làm và các hoạt động giảm nghèo, phát triển kinh tế, phát triển doanh nghiệp của phụ nữ. Chú trọng dạy nghề và tạo việc làm tại chỗ, đặc biệt khu vực nông thôn. Củng cố, nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo của các cơ sở dạy nghề thuộc Hội. Kết nối với các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nữ trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nữ.

- Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm của phụ nữ về bảo vệ môi trường; khuyến khích phụ nữ tham gia quản lý, khai thác hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên, đảm bảo cân bằng sinh thái, phát triển sản xuất, kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường. Vận động, hướng dẫn phụ nữ xây dựng, phát triển mô hình "*Sản xuất thực phẩm sạch*", "*Tiêu dùng sạch*". Tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu, đề án và hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nhiệm vụ 4: Tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện và giám sát luật pháp, chính sách về bình đẳng giới.

- Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham mưu đề xuất chính sách phát triển nhà, nhóm trẻ dựa vào cộng đồng; chế độ thai sản đối với phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh con đúng chính sách dân số (ngoài đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc); chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho phụ nữ; xây dựng được cơ chế qui định trách nhiệm của Hội trong tham mưu, giới thiệu tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ nữ và giới thiệu quần chúng là phụ nữ ưu tú cho Đảng; chính sách đặc thù đối với cán bộ nữ công tác ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số.

Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh/thành chủ động lựa chọn vấn đề ưu tiên phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, tham mưu, đề xuất một số chủ trương, chính sách cụ thể về phát triển dịch vụ hỗ trợ gia đình; phát triển nhà, nhóm trẻ dựa vào cộng đồng; hỗ trợ phụ nữ cao tuổi, phụ nữ đơn thân, phụ nữ tàn tật có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ lao động nữ khu vực nông thôn, khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất, khu công nghiệp, khu chế xuất, doanh nghiệp ngoài Nhà nước...

Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và cơ sở nắm bắt nhu cầu, phát hiện vấn đề, tham mưu đề xuất với cấp ủy, chính quyền cùng cấp và Hội cấp trên giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra đối với phụ nữ và cán bộ nữ ở địa phương.

- Tích cực tham gia ý kiến sửa đổi Hiến pháp 1992. Tham gia ý kiến, phản biện xã hội có chất lượng vào quá trình soạn thảo và thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, gia đình, bình đẳng giới và cơ chế, chính sách xây dựng nông thôn mới. Kết hợp đồng bộ nhiều hình thức, trong đó chú trọng rà soát, cập nhật, phân tích, đánh giá việc thực hiện chính sách pháp luật, tổ chức diễn đàn đối thoại chính sách. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đại diện Hội trong các cấp ủy, cơ quan dân cử các cấp, hội đồng, ban chỉ đạo...

- Định kỳ giám sát và tham gia kiểm tra giám sát đúng quy trình việc soạn thảo, thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, gia đình, bình đẳng giới, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách an sinh xã hội. Phản hồi kịp thời và đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp, đảm bảo chất lượng, hiệu quả công tác giám sát. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và huy động sự tham gia trực tiếp của phụ nữ trong quá trình giám sát.

- Phát triển các mô hình tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho hội viên, phụ nữ phù hợp với đối tượng và khả năng của từng cấp Hội. Xây dựng mạng lưới và phát huy hiệu quả hoạt động của công tác viên trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật của Hội. Cùng cố, thành lập mới các Trung tâm hoặc Phòng tư vấn pháp luật; duy trì tính bền vững, nâng chất lượng và mở rộng mô hình câu lạc bộ "*Phụ nữ với pháp luật*" tại cộng đồng.

- Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước trong hệ thống Hội. Chủ động, tích cực tham mưu, đề xuất, tham gia xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác cán bộ nữ theo chức năng của Hội, phù hợp với từng cấp Hội. Phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu nguồn cán bộ nữ có chất lượng cho Đảng; tham gia có hiệu quả vào công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ nữ ở các cấp, phối hợp tổ chức một số hoạt động hỗ trợ góp phần tăng tỷ lệ cán bộ nữ góp phần đạt chỉ tiêu về cán bộ nữ của

Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020. Nghiên cứu đề xuất chính sách góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ.

Nhiệm vụ 5: Xây dựng và phát triển tổ chức Hội vững mạnh.

- Nâng cao chất lượng thực hiện chức năng đại diện chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ. Phát huy vai trò lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Hội, đổi mới hoạt động của Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp.

- Kiện toàn bộ máy, cán bộ cấp Trung ương trên cơ sở phân định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ của các khối phong trào, khối đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp. củng cố, hoàn thiện các qui chế, qui định về trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ các cấp Hội, các đơn vị trong từng cấp. Tiếp tục kiện toàn bộ máy Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh/thành theo mô hình Văn phòng và 5 ban. Trung ương Hội và tỉnh/thành Hội thí điểm mô hình và từng bước phát triển các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp xã hội phù hợp với điều kiện của mỗi cấp. Xúc tiến việc xây dựng Trung tâm Vì sự phát triển phụ nữ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực miền Trung.

- Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội cơ sở, đặc biệt là chi Hội, tổ Phụ nữ; chú trọng chất lượng sinh hoạt Hội, phát huy vai trò hội viên nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ Hội; kịp thời nắm bắt và phản hồi tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ. Kiên trì thực hiện phương châm “*Ở đâu có phụ nữ, ở đó có tổ chức Hội*”. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở để phát huy quyền dân chủ trực tiếp của hội viên trong xây dựng tổ chức Hội và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh.

Đa dạng hóa hình thức tập hợp, thu hút phụ nữ tham gia tổ chức Hội, coi trọng tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và phát triển hội viên trong nữ thanh niên. Mỗi cơ sở Hội ít nhất có 01 mô hình hoạt động phù hợp đối với nhóm phụ nữ đặc thù (phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo, nữ thanh niên, nữ công nhân, phụ nữ di cư, phụ nữ cao tuổi, phụ nữ khuyết tật...). Quan tâm đầu tư các chương trình hoạt động về xóa đói giảm nghèo, tuyên truyền giáo dục cho phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo.

Chủ động, sáng tạo trong hoạt động xây dựng quỹ Hội phù hợp với qui định pháp luật; tăng cường chất lượng công tác hội phí nhằm hỗ trợ hoạt động Hội và chăm lo cho cán bộ chi, tổ. Duy trì khen thưởng danh hiệu “*Cán bộ Hội cơ sở giỏi*”.

- Rút kinh nghiệm để phát triển tổ chức Hội trong doanh nghiệp tư nhân; có hình thức phù hợp tập hợp phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài. Nghiên cứu, đề xuất chủ trương thí điểm thành lập tổ chức Hội trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước và nhân rộng khi có điều kiện. Thành lập tổ chức Hội trong cơ quan chuyên trách Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp Trung ương, tỉnh, huyện. Phát huy vai trò của Hội Nữ trí thức, Hội Nữ doanh nhân trong phong trào phụ nữ và hoạt động Hội.

- Đề xuất, xây dựng cơ chế về mối quan hệ phối hợp giữa Hội với các cấp chính quyền, các bộ, ban, ngành. Trong từng chương trình/hoạt động phối hợp cần xác định rõ trách nhiệm, nội dung, mức độ, phạm vi tham gia cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội và điều kiện thực tế của từng cấp Hội, từng địa phương.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tư duy đổi mới, nhiệt tình, tâm huyết với công tác Hội, có trình độ chuyên môn nghiệp

vụ, phương pháp vận động phụ nữ đáp ứng yêu cầu công tác phụ nữ trong giai đoạn hiện nay. Quan tâm đầu tư đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội cơ sở vùng sâu, vùng xa, người dân tộc thiểu số. Xây dựng văn hóa tổ chức, tạo môi trường làm việc khoa học, chuyên nghiệp trong các cơ quan chuyên trách Hội; nâng cao nhận thức về tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội cho cán bộ, hội viên, phụ nữ.

- Kiện toàn bộ máy cán bộ thực hiện công tác kiểm tra trong hệ thống Hội. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ cơ sở; chú trọng kiểm tra theo chuyên đề. Phát triển các công cụ đánh giá theo yêu cầu của từng nhiệm vụ.

Nhiệm vụ 6. Tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế.

- Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch công tác đối ngoại, vận động nguồn lực của các cấp Hội phù hợp với điều kiện hội nhập, hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng và Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình ở mức thấp.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, đoàn kết hữu nghị với nhân dân, phụ nữ các nước, đặc biệt các nước láng giềng, các nước có quan hệ truyền thống và các nước có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. củng cố, phát triển quan hệ song phương, đa phương, tham gia tích cực vào các diễn đàn khu vực và thế giới; tham gia các phong trào đấu tranh của phụ nữ và nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội, nhân đạo và bảo vệ môi trường. Chủ động vận dụng thực hiện và tham gia giám sát, đánh giá việc thực hiện các cam kết quốc tế của Chính phủ Việt Nam liên quan tới quyền của phụ nữ và bình đẳng giới.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại hai chiều; nâng cao nhận thức của cán bộ, hội viên, phụ nữ về công tác đối ngoại nhân dân và tình hình phụ nữ trên thế giới. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm quốc tế trong công tác phụ nữ. Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh biên giới, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy địa phương, hàng năm có kế hoạch cụ thể tham gia chủ động, phù hợp vào các hoạt động hợp tác, hữu nghị với các nước láng giềng, góp phần bảo đảm an ninh biên giới và chủ quyền quốc gia, phòng chống buôn bán phụ nữ - trẻ em.

- Vận động, tập hợp phụ nữ Việt Nam sinh sống ở nước ngoài đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, góp phần xây dựng cộng đồng người Việt ổn định và phát triển tại nước sở tại, giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc, đóng góp tích cực, phù hợp vào phong trào phụ nữ và công cuộc phát triển đất nước.

- Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng bảo vệ quyền và nhân phẩm của phụ nữ trong các giao dịch, quan hệ có yếu tố nước ngoài.

VI. CÁC GIẢI PHÁP LỚN

1. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, giáo dục, truyền thông.

- Xây dựng và thực hiện Chiến lược thông tin, giáo dục, truyền thông của Hội. Phát triển và kết hợp nhiều loại hình thông tin, giáo dục, truyền thông trực tiếp và gián tiếp; đổi mới công tác thông tin, giáo dục truyền thông gắn với hoạt động chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích và tư vấn, hướng dẫn nhằm thúc đẩy chuyển đổi hành vi.

- Xây dựng, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin, giáo dục, truyền thông của các cấp Hội (tuyên truyền viên, tư vấn viên, báo cáo viên) theo hướng chuyên sâu. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức xã hội, kỹ năng truyền

thông, vận động cộng đồng cho cán bộ Hội các cấp. Thiết lập và sử dụng hiệu quả mạng lưới cộng tác viên từ các ngành, các lĩnh vực.

- Trung ương Hội và tỉnh/thành Hội tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng tài liệu tuyên truyền, giáo dục, truyền thông theo chuyên đề phù hợp với đối tượng, vùng miền. Cấp huyện và cơ sở tổ chức tuyên truyền, phổ biến tài liệu đến được với hội viên, phụ nữ.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các cơ quan thông tin, tuyên truyền thuộc Hội; đa dạng hóa các kênh thông tin của các cấp Hội (Báo, Tờ thông tin...). Xuất bản Tạp chí Phụ nữ và phối hợp xây dựng kênh truyền hình phụ nữ. Định kỳ tổ chức các sự kiện quảng bá, giới thiệu thành tựu hoạt động Hội và phong trào phụ nữ, hình ảnh tích cực của phụ nữ Việt Nam.

Tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, định kỳ có chuyên trang, chuyên mục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của xã hội, cộng đồng, gia đình, phụ nữ đối với công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với từng cấp Hội; cải tiến, nâng cao chất lượng công tác thông tin, báo cáo. Trung ương Hội chủ trì, xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về phụ nữ, bình đẳng giới và các nội dung liên quan công tác Hội.

2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội các cấp.

- Bồi dưỡng nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, yêu cầu, trách nhiệm của cán bộ làm công tác phụ nữ trong tình hình mới. Rèn luyện phẩm chất đạo đức theo tiêu chí đạo đức nghề nghiệp của cán bộ Hội. Xây dựng và thực hiện tiêu chí tuyển chọn, đánh giá cán bộ phù hợp với yêu cầu của từng vị trí chức danh, ở từng cấp Hội. Định kỳ hàng năm tổ chức rút kinh nghiệm về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ Hội các cấp; trước hết, duy trì nề nếp ở cơ quan Trung ương Hội.

- Xây dựng quy hoạch cán bộ ở từng vị trí chức danh, của từng cấp Hội theo hướng “động” và “mở”; chú trọng cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ trưởng thành qua thực tiễn. Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong quy hoạch; định kỳ rà soát, đánh giá cán bộ để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch luân chuyển, rèn luyện thực tiễn cho cán bộ trong nội bộ từng cấp và giữa các cấp Hội, đặc biệt ở cấp Trung ương và tỉnh/thành, phù hợp với quy hoạch và yêu cầu bổ nhiệm cán bộ. Bố trí, phân công hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của cán bộ.

- Xây dựng và thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội các cấp theo chức danh”. Thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội các cấp theo hướng chuyên sâu một việc, biết nhiều việc; chú trọng nâng cao năng lực nghiên cứu để hiểu và vận dụng đúng quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào nhiệm vụ công tác Hội. Cán bộ cấp Trung ương, cấp tỉnh/thành phải thực hiện tốt việc tổng kết thực tiễn đối với các chủ trương công tác lớn của Hội; cán bộ cấp huyện, cơ sở phải làm tốt việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác Hội tại địa bàn.

Xây dựng và phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học về công tác phụ nữ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội, cán bộ nữ thời kỳ đầy

manh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

- Khuyến khích cán bộ Hội tự học tập, rèn luyện bằng nhiều hình thức đặc biệt qua thực tế cơ sở. Từng cấp Hội xây dựng và thực hiện qui định cụ thể về chế độ công tác cơ sở phù hợp với chức danh, vị trí công tác.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách đối với cán bộ Hội các cấp phù hợp với tính chất công tác, đặc điểm giới tính, điều kiện kinh tế của địa phương và quốc gia. Chủ động tổ chức các hoạt động dịch vụ xã hội hợp pháp, xây dựng quỹ hội, thu hội phí... để tổ chức ngày càng tốt hơn các hoạt động Hội và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ Hội.

3. Cải tiến công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý trong hệ thống Hội, khắc phục biểu hiện hành chính hóa, hình thức.

- Tổ chức phân công, qui định rõ chế độ làm việc của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ các cấp Hội để phát huy năng lực, khả năng đóng góp của mỗi ủy viên. Cải tiến, nâng cao chất lượng các kỳ họp Ban Chấp hành.

- Tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng theo hướng đa dạng hóa các hình thức thi đua phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích của phụ nữ; tăng tính chủ động, sáng tạo của cấp Hội địa phương. Rà soát, sửa đổi, bổ sung qui định, cải tiến cách thức đánh giá thi đua - khen thưởng đảm bảo tính thiết thực, chất lượng, hiệu quả, công bằng, khách quan, có tác dụng động viên tinh thần thi đua yêu nước.

Cùng với phát động phong trào thi đua, chú trọng hướng dẫn, giúp hội viên, phụ nữ nâng cao nhận thức, tích cực tham gia các phong trào thi đua. Kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, tôn vinh, phổ biến kinh nghiệm, nhân điển hình tiên tiến.

- Xác định rõ nhiệm vụ của từng cấp Hội nhằm tăng tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Cấp Trung ương, tỉnh/thành có trách nhiệm chỉ đạo, hỗ trợ cấp huyện và cơ sở trong thực hiện các nhiệm vụ khó, hoặc cách làm/mô hình mới.

- Xây dựng và thực hiện qui định về cơ chế phối hợp giữa các ban, đơn vị cơ quan Trung ương Hội và tỉnh/thành Hội. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình, đề án, chủ trương công tác lớn của Hội. Phân bổ ngân sách hàng năm gắn với việc giao nhiệm vụ chuyên môn, quản lý theo kết quả hoạt động; chỉ đạo thực hiện hoạt động theo chuyên đề, lĩnh vực công tác của ban phong trào kết hợp với phân công phụ trách địa bàn.

- Xác định nội dung và đối tượng ưu tiên trong hoạt động của các cấp Hội theo hướng cấp Trung ương đưa ra định hướng, chủ trương lớn; các cấp Hội địa phương căn cứ điều kiện thực tế chủ động lựa chọn đối tượng, nội dung trọng tâm trong từng nhiệm vụ, theo từng giai đoạn; ưu tiên đầu tư mọi hoạt động về cơ sở, giải quyết những vấn đề cấp bách, vấn đề có tính chiến lược, các vấn đề liên quan đến các nhóm phụ nữ đặc thù (phụ nữ khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ yếu thế...). Xây dựng, phát triển các mô hình hoạt động sáng tạo, hiệu quả, bền vững, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm đối tượng, điều kiện của địa phương, coi trọng phát huy nội lực của phụ nữ và cộng đồng.

- Cải tiến phương pháp, lề lối làm việc theo hướng khoa học, hiệu quả; tăng cường chất lượng lập kế hoạch ở từng cấp, coi trọng việc xác định nhu cầu của hội viên, phụ nữ; huy động sự tham gia của hội viên, phụ nữ trong xác định và thực hiện nhiệm vụ công tác Hội. Xây dựng phong cách người cán bộ Hội sâu sát cơ sở, gần bó, trách nhiệm với hội viên, phụ nữ.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động mang tính định lượng. Sự chuyển biến tích cực của hội viên, phụ nữ, gia đình về nhận thức, kiến thức, thái độ, hành vi là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động Hội. Định kỳ sơ, tổng kết, đánh giá tác động và rút kinh nghiệm.

4. Đầu tư cho công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và phản biện xã hội phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng cấp Hội

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp. Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, tham mưu, tổng kết thực tiễn đối với cán bộ phong trào và cán bộ nghiên cứu.

- Đưa thành nội dung nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm, có bố trí kinh phí và phân công đầu mối tham mưu, tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và phản biện xã hội. Qui định yêu cầu nhiệm vụ nghiên cứu đối với các ban/đơn vị, cán bộ Hội cấp Trung ương và tỉnh/thành theo chức danh, nhiệm vụ và số năm kinh nghiệm công tác. Thành lập Hội đồng khoa học thuộc các tỉnh/thành Hội.

- Trung ương Hội củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu; đổi mới công tác nghiên cứu theo hướng lựa chọn ưu tiên, chú trọng nghiên cứu chiến lược, nghiên cứu dự báo, nghiên cứu tổng kết mô hình nhằm phục vụ công tác tham mưu đề xuất, đề ra chủ trương và chỉ đạo thực hiện.

Xây dựng và thực hiện Chiến lược nghiên cứu của Hội; mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu về phụ nữ và bình đẳng giới. Thành lập trung tâm dữ liệu nguồn về phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Nghiên cứu, cập nhật và hệ thống hóa các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Khai thác, sử dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước phục vụ cho Hội.

Trong nhiệm kỳ tổ chức nghiên cứu từ 1 đến 2 đề tài cấp Nhà nước và thực hiện tốt vai trò đầu mối nghiên cứu đề xuất mô hình bộ máy quản lý nhà nước về công tác phụ nữ, gia đình và trẻ em.

- Trung ương Hội, tỉnh/thành Hội xây dựng và phát huy đội ngũ chuyên gia là cán bộ chuyên trách Hội và cộng tác viên từ các ngành. Thành lập tổ chuyên gia tham mưu cho Đoàn Chủ tịch thực hiện tốt việc lồng ghép giới trong xây dựng văn bản qui phạm pháp luật theo qui định của Luật Bình đẳng giới.

- Xây dựng qui định về việc các cấp Hội định kỳ phản ánh tình hình thực hiện chủ trương chính sách và tình hình phụ nữ tại địa phương. Bồi dưỡng kỹ năng thu thập, tổng hợp thông tin, nắm bắt tình hình, phát hiện vấn đề, đặc biệt coi trọng phương pháp thu thập và thống kê số liệu cho cán bộ cấp huyện và cơ sở. Nghiên cứu xây dựng mô hình và tổng kết, đánh giá mô hình hoạt động tại cơ sở.

5. Mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, vận động nguồn lực.

- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa Hội với các cấp chính quyền, các bộ, ban, ngành trong hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới và công tác phụ nữ. Chủ động phối hợp, liên kết với các ngành, cơ quan, tổ chức trên cơ sở các chương trình/ng nghị quyết liên tịch, tạo sức mạnh tổng hợp và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phụ nữ trong điều kiện đổi mới và hội nhập.

- Thiết lập mạng lưới và kết nối với các tổ chức cùng mục đích hoặc đối tượng hoạt động ở trong và ngoài nước nhằm tạo thêm sức mạnh và sự ủng hộ, đồng thuận cho tổ chức Hội trong vận động chính sách và chăm lo cho phụ nữ.

- Mở rộng mạng lưới chuyên gia tư vấn, cộng tác viên chuyên sâu từng lĩnh vực. Các cấp Hội phối hợp với các ngành phát huy vai trò của nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, nữ cấp ủy, cán bộ nữ. Cấp Trung ương và tỉnh/thành tập trung vào phát huy vai trò của các chuyên gia trong xây dựng, phản biện chính sách và các chiến lược hoạt động của Hội. Cấp huyện và xã có mô hình thu hút sự tham gia của các cộng tác viên, cán bộ nữ chủ chốt để thực hiện các nhiệm vụ công tác Hội. Huy động sự tham gia của xã hội, của phụ nữ, đặc biệt là trí thức, doanh nhân để thúc đẩy công tác phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ các đề án, tiểu đề án, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình liên tịch và các dự án quốc tế. Xây dựng các quy định, quy chế phân bổ và sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn lực. Tiếp tục chủ động xây dựng các đề án đề xuất với Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố nhằm giải quyết có tính chiến lược những vấn đề liên quan tới phụ nữ và gia đình.

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả Chiến lược vận động nguồn lực quốc tế của Hội nhằm tăng nguồn lực về chuyên môn, tài chính cho hoạt động Hội.

- Nâng cao kiến thức, năng lực lập kế hoạch và quản lý tài chính của cán bộ Hội các cấp nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý trong các cấp Hội.

*

* *

Với tinh thần ***Đoàn kết - Sáng tạo - Hội nhập - Phát triển***, Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI kêu gọi các tầng lớp phụ nữ trong cả nước tích cực thi đua yêu nước, đồng sức, đồng lòng, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI; góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, thắt chặt khối đại đoàn kết dân tộc, vượt qua khó khăn, thách thức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại./.